

Giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển công nghiệp dệt may vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam¹

NGUYỄN CHÍ HẢI*
PHẠM MỸ DUYÊN**
BÙI HỒNG NGỌC***

Tóm tắt

Công nghiệp dệt may vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam có sự tập trung cao tại: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương, nhưng tính liên kết về nguyên liệu, công nghệ và chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp còn lỏng lẻo, chưa tạo được tác động lan tỏa đối với các địa phương trong Vùng. Nghiên cứu đề cập đến các đặc điểm ngành công nghiệp dệt may vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam trên các khía cạnh liên kết ngược về nguyên liệu, khả năng đổi mới và chuyển giao công nghệ của Vùng, qua đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy liên kết trong ngành dệt may của toàn Vùng.

Từ khóa: dệt may, liên kết công nghiệp, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam

Summary

The textile and garment industry in the Southern key economic region concentrates in Ho Chi Minh City, Dong Nai, and Binh Duong. However, the linkage in raw materials, technology, and technology transfer textile and garment enterprises is weak and has not yet created spillover effects on localities in the region. The research analyses the characteristics of backward linkage in the textile and garment industry in Southern key economic region in terms of raw materials, innovation ability, and technology transfer, thereby proposing some solutions to promote linkage in textile and garment industry of the whole region.

Keywords: textile and garment, industrial linkage, Southern key economic region

GIỚI THIỆU

Bất chấp đại dịch Covid-19, xuất khẩu ngành dệt may đã đạt 39 tỷ USD trong năm 2021. Đây là ngành có chỉ số tập trung doanh nghiệp đặc biệt cao tại vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó dẫn đầu là TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai. Do vậy, sự phát triển công nghiệp dệt may của Vùng đóng vai trò quan trọng đối với ngành dệt may của cả nước. Tuy nhiên, thời gian qua, công nghệ sản xuất; nguồn nguyên, phụ liệu sử dụng của ngành dệt may của cả nước, cũng như vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam phần lớn qua kênh nhập khẩu từ nước ngoài, nên giá trị gia tăng đem lại từ hoạt động xuất khẩu của ngành này thấp. Việc nghiên cứu để có cơ sở đề xuất các giải pháp liên quan đến

các khía cạnh liên kết đầu vào, nhằm tạo sự phát triển bền vững cho ngành này có ý nghĩa cấp thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Theo He và Zhu (2016), liên kết trong công nghiệp bao gồm: (i) Loại hình liên kết ngược, đó là liên kết trong việc cung ứng hàng hóa và dịch vụ để tiến hành các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; (ii) Liên kết xuôi là liên kết với các khách hàng sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp; (iii) Liên kết hỗn hợp là loại liên kết đề cập đến sự tương tác với các doanh nghiệp khác tham gia.

Marshall (1920) đề cập đến vấn đề tập trung công nghiệp sẽ làm giảm chi phí vận chuyển, bao gồm các loại chi phí vận chuyển con người, hàng hóa và ý tưởng. Sự phát triển của các cụm công nghiệp không chỉ đem lại tác động tích cực đối với các doanh nghiệp trong cụm, mà còn có tác động tích cực đến các doanh nghiệp vùng

* PGS, TS., ** TS., *** ThS., Trường Đại học Kinh tế - Luật

Ngày nhận bài: 02/3/2022; Ngày phản biện: 15/3/2022; Ngày duyệt đăng: 20/3/2022

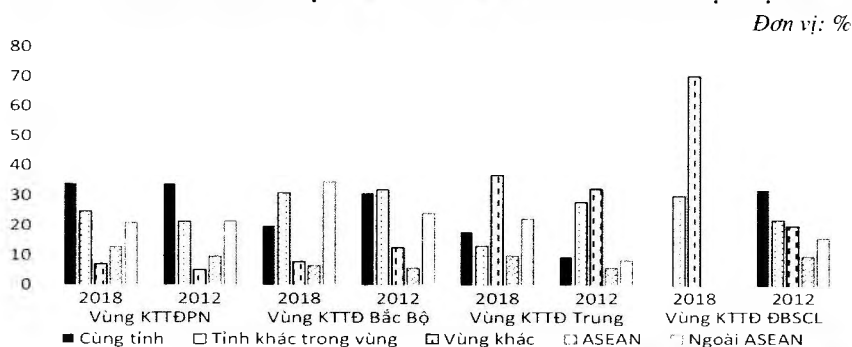
¹ Kết quả nghiên cứu là sản phẩm của đề tài số B2019-34-01 do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tài trợ

BẢNG 1: SỐ DOANH NGHIỆP DỆT MAY ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12 HÀNG NĂM

Cả nước và các địa phương	Ngành	2015	2016	2017	2018	2019
Việt Nam	Dệt may	8.770	9.563	10.479	12.031	13.741
	Dệt	2.789	3.150	3.518	4.404	5.086
	Sản xuất trang phục	5.981	6.413	6.961	7.627	8.655
TP. Hồ Chí Minh	Dệt may	3.855	4.141	4.675	5.069	5.887
	Dệt	1.069	1.223	1.451	1.915	2.339
	Sản xuất trang phục	2.786	2.918	3.224	3.154	3.548
Bình Dương	Dệt may	474	520	560	630	740
	Dệt	204	223	240	275	315
	Sản xuất trang phục	270	297	320	355	425
Đồng Nai	Dệt may	229	292	323	422	425
	Dệt	101	125	141	201	183
	Sản xuất trang phục	128	167	182	221	242

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Niên giám Thống kê các tỉnh, thành phố (năm 2015-2019)

HÌNH 1: NGUỒN NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO CỦA CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY



Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu và phỏng vấn tác giả

phụ cận, cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế vùng (Liu và cộng sự, 2021). Sự tập trung công nghiệp còn giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Shakib, 2020).

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phân tích tổng hợp, để đánh giá về liên kết công nghiệp dệt may của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Nguồn số liệu được nhóm tác giả xử lý từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê từ năm 2012 đến năm 2018.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng quan về doanh nghiệp dệt may của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam

Doanh nghiệp ngành dệt may cả nước tập trung tại vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó 3 tỉnh, thành gồm: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương giữ vai trò quan trọng đối với toàn Vùng và cả nước. Giai đoạn 2015-2019, tỷ trọng doanh nghiệp của ngành dệt TP. Hồ Chí Minh tăng từ 38% lên 46%, trong khi doanh nghiệp ngành may giảm từ 46% xuống còn 41%, tính bình quân tỷ trọng doanh nghiệp ngành dệt may giảm nhẹ từ 43% xuống còn 42% trong tổng doanh nghiệp cùng ngành của cả nước. Các tỉnh còn lại trong Vùng có số doanh nghiệp dệt may cao, như: Bình

Dương với quy mô 740 doanh nghiệp, Đồng Nai có 425 doanh nghiệp, lần lượt tương đương chiếm 5,3% và 3% trong tổng doanh nghiệp cùng ngành của cả nước (Bảng 1).

Không những 3 tỉnh, thành phố trên có số doanh nghiệp ngành dệt may chiếm tỷ lệ cao của cả nước, của Vùng, mà còn chiếm tỷ trọng cao trong tổng số doanh nghiệp chế biến, chế tạo của các địa phương. Chỉ số tập trung doanh nghiệp kéo theo sự tập trung lao động ở 3 địa phương này trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Liên kết nguyên liệu đầu vào của ngành dệt may

Doanh nghiệp dệt may của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam sử dụng nguồn nguyên liệu qua trung gian từ doanh nghiệp trong cùng tỉnh, trong cùng Vùng chiếm tỷ lệ cao và cao nhất so với các vùng khác của cả nước. Tuy nhiên, các doanh nghiệp này sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu để cung ứng cho các doanh nghiệp dệt may làm tăng chi phí trung gian của ngành (Hình 1).

Liên kết công nghệ sản xuất của ngành dệt may

Phần lớn doanh nghiệp ngành dệt may của Vùng sử dụng máy móc được sản xuất trong giai đoạn 2001-2010, với tỷ lệ chiếm đến 64% số doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 17% doanh nghiệp trong ngành sử dụng các máy móc được sản xuất trước năm 2000. Điều này cho thấy, công nghệ phổ biến được sử dụng trong ngành dệt may chưa phải là tiên tiến của thế giới (Bảng 2).

Điểm khác biệt về đầu tư công nghệ của các doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam là mức chi đầu tư bình quân cho mua máy móc, thiết bị công nghệ của một doanh nghiệp luôn dẫn đầu so với những doanh nghiệp của các vùng khác. Mức chi đầu tư này ổn định qua các năm và tăng mạnh trong năm 2018, khi đạt bình quân 11,7 tỷ đồng/doanh nghiệp (Hình 2).

Tuy nhiên, liên kết công nghệ của Vùng còn yếu, phần lớn máy móc, thiết bị sử dụng trong doanh nghiệp là do tự mua. Theo số liệu điều tra năm 2018, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng máy móc do tự mua chiếm đến 96,6% số doanh nghiệp, trong khi doanh nghiệp khác cung cấp chiếm 2,79%, tự phát triển chiếm 0,4%, các hình thức khác chiếm tỷ lệ 0,3%. Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản... dẫn đầu các quốc

gia cung cấp máy móc cho ngành dệt may, trong đó có bao gồm cả thiết bị thông tin và truyền thông. Như vậy, kênh cung cấp máy móc, thiết bị cho ngành dệt may chủ yếu đến từ các nước châu Á.

Các doanh nghiệp sử dụng máy móc, thiết bị không phải do họ tự phát triển, mà chủ yếu do các doanh nghiệp Việt Nam khác ngành cung cấp chiếm tỷ lệ 37,2%, tiếp đến là doanh nghiệp nước ngoài ở ngoài Việt Nam khác ngành cung cấp (22,98%) và doanh nghiệp nước ngoài ở ngoài Việt Nam cùng ngành cung cấp chiếm 19,88%. Các doanh nghiệp Việt Nam cùng ngành, doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam cùng ngành chiếm tỷ lệ nhỏ trong cung cấp công nghệ, máy móc, thiết bị cho ngành dệt may, khi chỉ chiếm khoảng 10% so với các hình thức khác. Điều này chứng tỏ, tính liên kết ngược của các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị của ngành dệt may khá yếu (Hình 3).

Đối với phương thức công nghệ tự phát triển, hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công nghệ sản xuất trong doanh nghiệp được thực hiện bằng hình thức kết hợp giữa tự bảo dưỡng và thuê ngoài bảo dưỡng, chiếm 48,4%; hình thức tự bảo dưỡng chiếm 27,9%; hình thức thuê ngoài bảo dưỡng chiếm 23,6%.

Trong mối quan hệ với khách hàng trong nước, các kênh chuyển giao công nghệ chủ yếu diễn ra dưới 5 hình thức (Bảng 3). Khi sử dụng công nghệ dưới hình thức do công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty hoặc ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp, thì 67,9% là thông qua hợp đồng thỏa thuận và hợp đồng pháp lý; 19,8% là hình thức hợp đồng thỏa thuận, nhưng không phải là hợp đồng pháp lý; 12,3% là không có hợp đồng trước. Kết quả khảo sát theo thang điểm từ 0 đến 10, trong đó 0 (không phù hợp) 10 (rất phù hợp), thì phần lớn các kênh chuyển giao công nghệ có điểm khảo sát sự phù hợp rất thấp, bình quân dưới 4 điểm. Điều này cho thấy, các kênh chuyển giao công nghệ chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Năng lực đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp dệt may cho thấy, bước đầu các doanh nghiệp có thực hiện cải tiến quy trình sản xuất, cũng như chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, các chiến lược còn lại, như: mở rộng chủng loại sản phẩm chưa được chú trọng; mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh mới hoặc hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ lệ

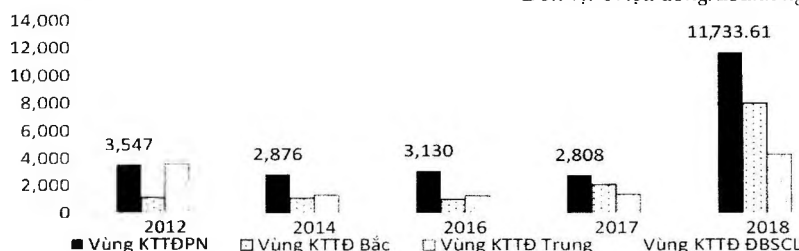
BẢNG 2: TỶ LỆ DOANH NGHIỆP SỬ DỤNG MÁY MÓC THIẾT BỊ DÙNG TRONG NGÀNH DỆT MAY VỚI SỐ NĂM SẢN XUẤT TRUNG BÌNH

Đơn vị: %

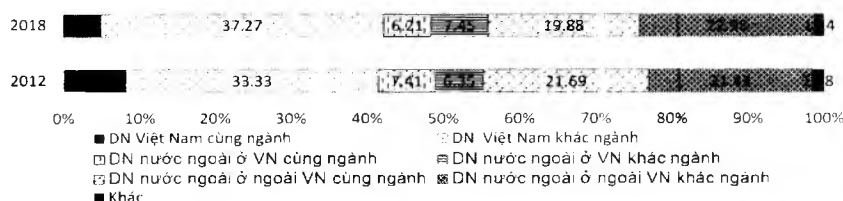
Năm sử dụng	Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam	Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	Vùng Kinh tế trọng điểm Trung Bộ	Vùng Kinh tế trọng điểm Đông bằng sông Cửu Long	Bình quân
Từ 2011 đến 2018	18,0	17,2	21,4	33,3	18,1
Từ 2001-2010	64,7	71,1	63,5	44,4	66,3
Từ 1991-2000	15,5	10,5	12,6	22,2	13,9
Trước 1991	1,9	1,1	2,5	0,0	1,7
Tổng cộng	100	100	100	100	100

HÌNH 2: CHI PHÍ ĐẦU TƯ MUA MÁY MÓC, CÔNG NGHỆ CỦA NGÀNH DỆT MAY

Đơn vị: Triệu đồng/doanh nghiệp



HÌNH 3: NHÀ CUNG CẤP CÔNG NGHỆ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHỦ YẾU CHO DOANH NGHIỆP



thấp (chứng tỏ các doanh nghiệp theo đuổi chiến lược chuyên môn hóa, thay vì đa dạng hoá sản xuất trong ngành dệt may). Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ chiếm tỷ lệ rất thấp. Năm 2018, tỷ lệ này chỉ đạt 4,35% trong số doanh nghiệp ngành dệt may, tăng nhẹ so với năm 2012.

Các rào cản đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp theo đánh giá về mức độ quan trọng (thang điểm từ 0 đến 10), trong đó càng tiến về 10, thì các rào cản này càng lớn cho thấy, các yếu tố nội tại doanh nghiệp liên quan về số lượng lao động, trình độ của người lao động, máy móc, thiết bị công nghệ có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp, trong khi các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô, như: cơ sở hạ tầng cơ bản, cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở hạ tầng truyền thông, doanh nghiệp đánh giá mức độ quan trọng thấp hơn (Bảng 4).

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Kết luận

Ngành công nghiệp dệt may của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam thời gian qua tuy phát triển nhanh về

BẢNG 3: ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC KÊNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DỆT MAY

Kênh chuyển giao	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Mua công nghệ đã được thể hiện bằng hàng hóa	3,55	3,53	0	10
Mua công nghệ từ các tổ chức nghiên cứu hoặc công ty khác	3,63	3,31	0	10
Sử dụng công nghệ do các công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp	3,71	3,41	0	10
Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp	3,90	3,21	0	10
Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới	4,00	3,40	0	10

BẢNG 4: RÀO CẢN ĐỐI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DỆT MAY VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Cơ sở hạ tầng cơ bản	4,8	3,9	0	10
Cơ sở hạ tầng giao thông	5,2	3,5	0	10
Cơ sở hạ tầng truyền thông	4,8	3,5	0	10
Tài chính (tín dụng, vay...)	5,0	3,7	0	10
Số lượng lao động	6,0	3,3	0	10
Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của người lao động	6,2	3,3	0	10
Máy móc, thiết bị công nghệ	6,3	3,3	0	10

số lượng, nhưng tính liên kết giữa các doanh nghiệp trong toàn Vùng còn khá lỏng lẻo, tính tập trung cao ở TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương, nhưng chưa tạo được sự phát triển lan tỏa sang các địa phương khác. Các hình thức liên kết về nguyên liệu thông qua ký kết hợp đồng dài hạn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số doanh nghiệp dệt may của toàn Vùng. Công nghệ sản xuất phần lớn có tuổi đời trên 10-20 năm và được cung cấp chủ yếu thông qua các doanh nghiệp khác ngành ở trong và ngoài nước, khả năng tự đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức và phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu.

Khuyến nghị giải pháp

Để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp dệt may của toàn Vùng, các cấp, các ngành, cũng như các doanh nghiệp cần phối hợp triển khai đồng bộ những giải pháp sau:

Thứ nhất, chú trọng phát triển các hình thức liên kết nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua ký kết hợp đồng dài hạn để ổn định nguồn cung, giá cả, chất lượng nguyên liệu. Phát triển nguồn nguyên, phụ liệu dệt may trong Vùng theo hướng thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, để giảm phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài, qua đó gia tăng giá trị cho ngành dệt may.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu đầu tư của đầu tàu TP. Hồ Chí Minh trong lĩnh vực dệt may theo hướng thúc đẩy phát triển khâu thiết kế thời trang, tạo mẫu và công nghệ nguồn tại TP. Hồ Chí Minh, dịch chuyển mảng gia công lắp ráp cho các tỉnh, thành khác trong Vùng, để tận dụng lợi thế lao động giá rẻ và tạo tác động lan tỏa đối với công nghiệp của Vùng.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển công nghiệp cơ khí và các hoạt động nghiên cứu phát triển, để thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong ngành dệt may. Theo đó, cần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển môi trường khởi nghiệp và các hoạt động đổi mới sáng tạo, liên kết giữa doanh nghiệp với các trường, viện nghiên cứu, để rút ngắn khoảng cách ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Thứ tư, tận dụng các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do, để mở rộng thị trường xuất khẩu và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển, nhằm từng bước chuyển đổi công nghệ của ngành dệt may theo hướng hiện đại.

Thứ năm, cải tiến các cơ sở hạ tầng: cơ bản, giao thông, truyền thông theo hướng kết nối liên vùng, để các địa phương khác trong Vùng, như: Tây Ninh, Long An, Bình Phước, Tiền Giang có cơ hội tham gia vào các hoạt động dịch chuyển đầu tư của ngành dệt may từ các hạt nhân: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2013-2019). *Dữ liệu điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2012-2018*
2. He, C., Zhu, S. (2016). *Industrial Linkage*, retrieved from <https://doi.org/10.1002/9781118786352.wbieg0069>
3. Li, X., Su, C. W., Chang, H. L., and Ma, J. (2018). Do short-term international capital movements play a role in exchange rate and stock price transmission mechanism in China? *International Review of Economics & Finance*, 57, 15-25
4. Marshall, A. (1920). *The economics of industry*, London: Macmillan And Co
5. Shakib, M. D. (2020). Using system dynamics to evaluate policies for industrial clusters development, *Computers & Industrial Engineering*, 147(5)